

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy những điều gì?

GS, TS MẠCH QUANG THẮNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Email: machquangthang2@gmail.com

Nhận ngày 14 tháng 09 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 02 năm 2023.

Tóm tắt: Lịch sử 93 năm của Đảng cho thấy rõ hơn ý nghĩa của mốc son ngày 3.2.1930 - ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự khởi đầu này đánh dấu sự ra đời và trưởng thành của Đảng qua các thời kỳ của cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đó có công cuộc đổi mới. Nhìn lại sự kiện 3.2.1930 là nhìn lại điểm xuất phát quan trọng, thể hiện trong 5 vấn đề cơ bản mà bài viết đề cập.

Từ khóa: Hội nghị thành lập Đảng; Nguyễn Ái Quốc; Đảng Cộng sản; xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Abstract: The Party's 93 - year history shows more clearly the significance of the event on February 3, 1930 when the Communist Party of Vietnam was founded. It marked the birth and growth of the Party through the periods of the national-democratic revolution as well as the socialist revolution, including the national renovation. Looking back at the event means recalling the important starting point, reflected in the 5 basic issues that the article mentions.

Keywords: Party establishment conference; Nguyen Ai Quoc; Communist Party; Party building and rectification.

Một sự kiện lớn trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam: ngày 3.2.1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đến nay, Đảng đã có bề dày lịch sử 93 năm. Ở quãng đường không ngắn này, Đảng được tôi rèn trong lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn lại sự kiện 3.2.1930, chúng ta thấy đọng lại nhiều điều đáng suy nghĩ. Sau đây là 5 vấn đề:

1. Đảng ra đời là một tất yếu trong sự phát triển của dân tộc

Nói đến tính tất yếu là nói đến tính quy luật vận động của sự vật và hiện tượng. Điều này hoàn toàn khác một số ý kiến với tâm không trong sáng xuyên tạc sự thật lịch sử khi họ cho rằng, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3.2.1930 là do yếu tố ngoại lai xâm nhập (ý nói chủ nghĩa Mác - Lênin là từ bên ngoài đưa vào Việt Nam) và điều nữa là do ý chí chủ quan cá nhân áp đặt

từ cán bộ quốc tế lúc này là Nguyễn Ái Quốc.

Đúng, chủ nghĩa Mác - Lênin là yếu tố từ bên ngoài truyền bá vào Việt Nam. Điều này tương tự chủ nghĩa Mác là yếu tố từ bên ngoài xâm nhập vào phong trào công nhân quốc tế, khi vào được phong trào công nhân thì thúc đẩy phong trào công nhân phát triển từ tự phát lên tự giác, từ đấu tranh kinh tế trong khuôn khổ công liên chủ nghĩa rồi giác ngộ được sứ mệnh lịch sử của mình là người lật đổ chế độ tư bản và xây dựng xã hội cộng sản. Cũng từ đó, chủ nghĩa Mác mang đầy đủ bản chất khoa học và cách mạng. Sự truyền bá yếu tố bên ngoài là chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam từ những năm 20 thế kỷ XX đã thúc đẩy một cách mạnh mẽ phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam phát triển về chất, lên trình độ tự giác. Như vậy, ngoại lực đã biến thành nội lực. Đó cũng là quan điểm đối ngoại

tạo sức mạnh tổng hợp mà Đảng ta đã quán triệt trong suốt cả quá trình hoạt động: coi nội lực có tính chất quyết định, ngoại lực là quan trọng, biến ngoại lực thành nội lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Năm 1929 và đầu năm 1930 là thời gian chín muồi cho sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi sự phân hóa các tư tưởng đã rõ ràng: các phong trào cứu nước theo tư tưởng phong kiến và tư sản đã bị thất bại vì thiếu giai cấp tiên tiến với đường lối đúng đắn lãnh đạo. Sự phân hóa xã hội Việt Nam (từ nội tại các giai tầng) dưới ách thực dân, phong kiến đã cho thấy tư tưởng vô sản bắt đầu thắng thế. Quá trình đó tất yếu có sự phủ định cái lạc hậu và khẳng định cho luồng tư tưởng mới: tư tưởng vô sản. Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh niên, các đảng chính trị phân hóa, xu hướng vô sản được thể hiện một cách mạnh mẽ đã cho ra đời các tổ chức Tân Việt, Chi bộ 5D Hàm Long, Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Hội nghị đầu năm 1930 làm một việc trọng đại là hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam riêng rẽ lại với nhau. Đây không phải thuần túy có tính “kỹ thuật” mà phải là sự thống nhất tổ chức và hành động cho một Đảng Cộng sản khi có các điều kiện đã chín muồi, mang hoàn toàn tính tất yếu, hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của chính sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam lúc này. Ở đây, không có chỗ đứng cho ý muốn chủ quan, cho sự can thiệp, thúc ép của ai đó. Đầu năm 1930, mùa Xuân Canh Ngọ ấy, tuy ở đất Hong Kong, nhưng đó lại là một kết quả tất yếu đã diễn ra từ chính nội tại bản thân xã hội Việt Nam.

2. Đặt nền móng vững chắc cho truyền thống đoàn kết - trí tuệ - kỷ cương

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3.2.1930 trên cơ sở hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Các tổ chức này vốn được lập ra năm 1929: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Trong một nước lúc này có đến ba tổ chức cộng sản, điều đó chứng tỏ rằng, tinh thần cộng

sản đã được gieo mầm và nở rộ trong một xã hội “thuộc địa và phong kiến” (cách gọi của Hồ Chí Minh trong cuốn *Thường thức chính trị*, năm 1953) khi những điều kiện cho sự hình thành tư tưởng cách mạng vô sản đã chín muồi. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng cũng đã gặp nhau để bàn chuyện hợp nhất (lúc này, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn chưa thành lập), nhưng chưa đạt được kết quả. Do hoạt động năng động của những người cộng sản Việt Nam, nhất là vai trò tích cực của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã diễn ra tại Hong Kong (lúc này là thuộc địa của Vương quốc Anh) và một đảng cộng sản duy nhất ra đời từ ngày 3.2.1930: *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Sự kiện ngày 3.2.1930 trở thành một dấu mốc đặt nền móng vững chắc cho sự chấm dứt tình trạng rời rạc để rồi đi đến sự đoàn kết nhất trí, trở thành sự khởi đầu tốt đẹp cho truyền thống đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình về sau.

Hội nghị đã thông qua các văn bản, trong đó có Chính cương, Sách lược văn tắt của Đảng. Những văn bản này làm thành văn kiện Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Tuy văn tắt, nhưng văn kiện đó đã xác định được 8 vấn đề cơ bản nhất: 1) Xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa cộng sản; 2) Lý luận chính trị dẫn đường là Mác - Lênin; 3) Con đường để đi tới mục tiêu là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng, hoặc sau này diễn đạt là: chống đế quốc và chống phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; 4) Khẳng định lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là đảng cộng sản; 5) Xác định lực lượng cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước, nòng cốt là công - nông; 6) Phương pháp cách mạng là dùng bạo lực để lật đổ ách thống trị của bọn xâm lược và bè lũ phong kiến tay sai; 7) Phác thảo một số nét cơ bản nhất của xã hội tương lai khi cách mạng thành công; 8) Quan hệ quốc tế của cách mạng Việt Nam.

Cần khẳng định rằng, những nội dung trên đây của Cương lĩnh chính trị 3.2.1930 là hoàn toàn đúng đắn, vì chúng vừa tuân thủ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vừa phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của một nước Việt Nam thuộc địa và phong kiến. Một Đảng có cương lĩnh, đường lối đúng đắn ngay từ đầu là một mốc son sáng ngời về trí tuệ của tập thể những người cộng sản Việt Nam, tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc và 4 đại biểu tham gia Hội nghị: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh (2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng), Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu (2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng). Nói đây là ghi dấu tạo nền tảng và phát huy truyền thống trí tuệ của Đảng còn là bởi vì, từ đây trở đi, Đảng ta có 3 cương lĩnh nữa (Luận cương 10.1930; Chính cương 2.1951, Cương lĩnh 1991 - bổ sung, phát triển 2011), nhưng cả 3 cương lĩnh sau chính là sự tiếp nối, hoàn thiện và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 3.2.1930.

Nói sự kiện 3.2.1930 đặt cơ sở vững chắc cho truyền thống kỷ cương của Đảng là vì, các tổ chức Đảng vốn thực hiện điều lệ của riêng Đảng mình, thì từ đây, Đảng Cộng sản Việt Nam có Điều lệ tổ chức và hoạt động thống nhất mà mọi tổ chức và cán bộ, đảng viên phải tuân theo. Chỉ có như thế, và lịch sử hơn 90 năm hoạt động của Đảng cũng đã diễn ra đúng như thế, thì trên thực tế Đảng mới trở thành là một khối sức mạnh với kỷ luật sắt, không có thế lực nào có thể phá vỡ được. Hơn 90 năm qua, Đảng tiếp tục phát triển, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam là còn bởi tính tổ chức, kỷ luật, kỷ cương theo đúng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Thể hiện vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc

Nhân dịp Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng, Hồ Chí Minh viết bài đăng tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, số 2.1960, đưa ra sự khẳng định như là một tổng kết từ lịch

sử: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930”⁽¹⁾. Điều này khác với sự khái quát của V.I.Lênin: sự ra đời của đảng cộng sản do kết hợp 2 yếu tố là chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân. Hồ Chí Minh đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước vào tổ hợp cấu thành là vì điều kiện thực tế xã hội Việt Nam lúc này rất khác các nước khác, đặc biệt là khác các nước ở châu Âu. Xã hội Việt Nam lúc này là xã hội thuộc địa và phong kiến khi phong trào yêu nước trường tồn trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm, lực lượng cách mạng không chỉ là công nông mà còn có tất cả các giai tầng yêu nước khác vì tất cả các giai tầng đều có một “mẫu số chung” là yêu cầu giải phóng dân tộc. “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”⁽²⁾ - đó là quy luật chung mà Hồ Chí Minh đã rút ra từ lý luận Mác - Lênin từ những năm 20 của thế kỷ XX. Nhưng, đến đây, Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo khi cho rằng, trước hết phải giải phóng dân tộc đã, làm tiền đề giải phóng giai cấp, do vậy, phong trào yêu nước có vai trò quan trọng trong sự ra đời của Đảng.

Có thể có người nghĩ rằng, Đảng không ra đời ngày 3.2.1930 thì sẽ ra đời vào thời gian sau; rằng, nếu không có Nguyễn Ái Quốc đứng ra triệu tập và chủ trì Hội nghị thì sẽ có người khác. Phương pháp nghiên cứu sử học chỉ dẫn một nguyên tắc rằng, người nghiên cứu phải dựng lại một cách khách quan sự kiện lịch sử và nhận xét về sự kiện đã diễn ra chứ không phải là nêu giả định, vì vậy, chúng ta đánh giá rằng, nếu không có vai trò tích cực của cá nhân Nguyễn Ái Quốc như đã thể hiện trong thực tế thì sẽ không thể nào có được sự kiện ngày 3.2.1930 và chắc chắn cũng không thể có được một Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đúng đắn như thế.

Điều này thể hiện ở mấy điểm:

(i) Từ Xiêm, khi được báo tin, Nguyễn Ái

Quốc đến Hong Kong cuối năm 1929 để triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất. Người tự nhận mình tham gia Hội nghị “với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương”⁽³⁾. Như vậy là Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm rất cao không những trước Quốc tế Cộng sản mà Người là thành viên của Ban Phương Đông, mà còn là có trách nhiệm trước phong trào cách mạng ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

(ii) Nguyễn Ái Quốc là người soạn thảo các văn bản đề Hội nghị thảo luận thông qua; chúng hợp thành văn kiện Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đó là các văn bản: 1/ Năm điểm lớn; 2/ Chánh cương vắn tắt của Đảng; 3/ Sách lược vắn tắt của Đảng; 4/ Chương trình tóm tắt của Đảng; 5/ Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam; 6/ Báo cáo tóm tắt Hội nghị; 7/ Lời kêu gọi (trong đó văn bản 2, 3, 4, 5 thể hiện có tính chất cương lĩnh hơn cả). Cương lĩnh này thể hiện sự hình thành về cơ bản nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh mà về sau Đảng ta, tuy có thêm 3 cương lĩnh nữa: Luận cương chính trị 10.1930; Cương lĩnh 2.1951, Cương lĩnh 1991 - bổ sung và phát triển năm 2011, nhưng đó là sự hoàn chỉnh, cụ thể hóa và phát triển Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đặc biệt là Cương lĩnh 1991 đã đã chính thức quyết định lấy tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Công lao của Hồ Chí Minh ở sự kiện này là rất lớn: người triệu tập Hội nghị; người chủ trì; người soạn thảo cương lĩnh; người đưa ra chủ trương lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời; người báo cáo Quốc tế Cộng sản với trách nhiệm là mất xích quan trọng để Quốc tế Cộng sản thông qua đó chỉ đạo phong trào cách mạng Đông Dương. Vậy nên, có thể đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào tổ hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 3.2.1930, tức là vào yếu tố 1: “*Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*” hoặc nếu tách ra thì “*Tư tưởng Hồ Chí*

Minh” là yếu tố đứng riêng ngoài 3 yếu tố kia. Điều này là hoàn toàn đúng với những gì thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam đã diễn ra.

4. Mốc khởi đầu có ý nghĩa quan trọng

“Vạn sự khởi đầu nan”. Cái đúng không phải lúc nào ngay từ đầu được chấp nhận. Quốc tế Cộng sản là “hiệp sĩ” của thế kỷ XX, có vai trò rất quan trọng cho sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cho sự ra đời và phát triển của nhiều tổ chức đảng cộng sản trên thế giới. Từ khi thành lập năm 1919 theo sáng kiến của V.I.Lênin đến khi tuyên bố tự giải thể năm 1943, Quốc tế Cộng sản đã có 7 lần Đại hội - những dịp đại hội là dịp sinh hoạt chính trị lớn xây dựng đường lối, quan điểm cơ bản chỉ đạo đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Thời V.I.Lênin sống, Quốc tế Cộng sản diễn ra các đại hội từ Đại hội I đến Đại hội IV. Thời gian này, những quan điểm của Quốc tế Cộng sản đối với sự lãnh đạo của các đảng cộng sản ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, phụ thuộc, phong kiến, nửa phong kiến là sát hợp, đúng đắn. Nhưng, từ khi V.I.Lênin mất, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có một số hạn chế, không đáp ứng được sự vận động tích cực, chủ động của các đảng cộng sản, nhất là ở các nước phương Đông xa trung tâm Mátxcova. Quốc tế Cộng sản đã đúng trong việc lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc những năm V.I.Lênin còn sống, thể hiện rõ nhất trong *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Luận cương phê bình nghiêm khắc những thành kiến và sự hiểu biết không đúng của các đảng cộng sản châu Âu đối với các phong trào giải phóng dân tộc. V.I.Lênin cũng đã thấy được nguy cơ của bệnh tả khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế. Tác phẩm *Bệnh áu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản* đã được V.I.Lênin viết năm 1920 viết rõ nguy cơ đó. Tại Đại hội III Quốc tế Cộng sản vào tháng 6.1921, V.I.Lênin tiếp tục phê phán một cách gay gắt: “Nếu Đại hội không tiến hành kiên quyết chống những sai lầm như thế, chống những điều

ngu xuẩn “tả” như vậy, thì toàn bộ phong trào sẽ không tránh khỏi tan vỡ”⁽⁴⁾.

Đáng tiếc, từ khi V.I. Lênin qua đời, tả khuynh đã trở thành hiện thực. Biểu hiện rõ nhất là ở Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928 đã đánh giá chưa sát đối với giai cấp tư sản dân tộc ở các nước thuộc địa. Cũng có nguyên do của sự đánh giá đó. Ấy là vì lúc này, trên thế giới đã có một số sự kiện nói lên sự phản bội của giai cấp tư sản đối với phong trào cách mạng của công nông, trong đó có sự phản bội của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc từ năm 1927 đối với đường lối “Liên Nga, liên cộng, ủng hộ công nông” do Tôn Trung Sơn lúc còn sống lãnh đạo Quốc dân Đảng Trung Quốc. Còn ở Ấn Độ, với thuyết Bất bạo động của Mahatma Gandhi cộng với ảnh hưởng của tình hình quốc tế, nên giai cấp tư sản Ấn Độ bị nhìn nhận một cách phiến diện, không thấy được tính tích cực của nó trong phong trào giải phóng dân tộc.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội V với tư cách đại biểu tư vấn thuộc Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, đã cảnh báo có phần gay gắt tại diễn đàn Đại hội về việc Đại hội có phần sao nhãng vấn đề chỉ đạo cách mạng ở các nước thuộc địa. Còn Đại hội VI (Nguyễn Ái Quốc không có mặt) thì mắc bệnh tả khuynh, nhấn mạnh quá mức vấn đề đấu tranh giai cấp ở thuộc địa trong khi đó các giai tầng, ngoài công nông, trừ đại địa chủ, tư sản mại bản theo chân đế quốc, còn lại đều có tinh thần yêu nước sẵn sàng đi với cách mạng. Đại hội VI, có lẽ xuất phát từ hình mẫu của Ấn Độ và Trung Quốc, đã gạt các giai tầng phi công - nông ra khỏi lực lượng cần phải tập hợp trong cách mạng.

Đó là một trong những lý do chủ yếu làm cho Quốc tế Cộng sản lúc này đã hiểu sai những quan điểm của những đại biểu Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng: lực lượng đó không những là công nông, mà còn có cả trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc yêu nước, tiểu tư sản.

Tháng 12.1929, Quốc tế Cộng sản ra *Nghị*

quyết về Đông Dương hướng cho việc thành lập ở Đông Dương một đảng cộng sản duy nhất trên cơ sở tập hợp hết thảy những phần tử tiên tiến nhất, cách mạng và tích cực nhất trong tất cả các nhóm cộng sản. Trong khi Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Đảng Cộng sản lấy tên là Đông Dương thì những người tham gia thành lập Đảng lại thành lập Đảng Cộng sản lấy tên là Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc giữ quan điểm này một cách kiên trì trên tinh thần thực hiện quyền dân tộc tự quyết mà V.I. Lênin đã nêu ra. Trong khi Quốc tế Cộng sản đưa ra chủ trương rằng, phải lựa chọn những phần tử ưu tú nhất trong các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng mới chứ không thể cộng tất cả các đảng viên sẵn có của các đảng được thì những người tham gia thành lập Đảng không làm theo ý trên vì, vừa không có đủ thì giờ để các đảng trước khi thống nhất làm cái việc chọn lựa đảng viên các đảng tiền thân vào Đảng mới; vừa có tình hình là đảng viên của các đảng ít nhiều đã qua thử thách, cho nên khó mà có thể lựa chọn những phần tử nào là ưu tú nhất trong các tổ chức cộng sản đang hiện hữu của Việt Nam để lập ra một đảng mới. Chỉ có cách như Hội nghị quyết định là phù hợp nhất đối với tình hình Việt Nam đầu năm 1930: hợp nhất, thống nhất các đảng lại, gộp tất cả các đảng viên của các đảng lại thành một đảng mới (hơn 300 đảng viên). Còn để lựa chọn những phần tử ưu tú nhất thì việc này là việc thường xuyên theo quy luật đào thải của thực tế.

Là cấp dưới của Quốc tế Cộng sản, Thường vụ Trung ương Đảng có thư gửi cho các cấp Đảng bộ ngày 9.12.1930, trong đó viết rằng: “Hội nghị hợp nhất chủ trương các công việc rất sơ sài mà có nhiều điều không đúng với chủ trương của quốc tế”⁽⁵⁾. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10.1930 họp tại Hong Kong đã ra *Án nghị quyết*, trong đó ghi: “Thủ tiêu chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng”⁽⁶⁾. Những đại biểu tham gia hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 làm khác so với những chủ trương của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản là do tầm nhìn, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm ở tầm cao, không những

cao hơn một số người trong nội bộ Đảng, mà còn cao hơn tầm của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản.

Đảng ra đời ngày 3.2.1930 tuy chưa tránh được sự hiểu sai của Quốc tế Cộng sản nhưng, tuyệt vời thay, đã chấm dứt được sự khủng hoảng về đường lối lãnh đạo giải phóng dân tộc, đưa đến tư duy mới, đúng đắn hơn trong kho tàng lý luận mácxít. Đương nhiên, đây là quá trình không đơn giản. Thực tế hoạt động của Đảng qua các phong trào cách mạng, từ 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh về sau từng bước một với những mốc lớn các Hội nghị Trung ương Đảng: tháng 11.1939, tháng 5.1941, đến Đại hội II của Đảng tháng 2.1951 đã “giải oan” cho những đại biểu tham gia Hội nghị thành lập Đảng. Sự khởi đầu cho sự ra đời và hoạt động của Đảng, do đó, là sự khởi đầu vượt khó và thật sự quang vinh vì đó là sự khởi đầu cho những điều tốt đẹp trong các thời kỳ cách mạng hơn 90 năm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5. Đảng trở thành một trong ba trụ cột, thể chân vạc, thể kiềng 3 chân

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi qua chặng đường 93 năm. Đảng là một thực thể hiện hữu trong sự phát triển của dân tộc. Từ năm 1930 trở đi, lịch sử dân tộc Việt Nam in đậm dấu ấn sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt là từ khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời ngày 2.9.1945, Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền. Sự cầm quyền của Đảng không phải cứ tự nhận mà được, mà do sự hy sinh phấn đấu của bao chiến sĩ cộng sản suốt bao nhiêu năm trường vượt qua bao chông gai, thậm chí hy sinh cả tính mạng của mình, như Hồ Chí Minh nói: “Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay”⁽⁷⁾. Quyền lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là do nhân dân lao động, do dân tộc giao phó. Đảng sử dụng quyền đó để mưu cầu độc lập cho Tổ quốc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho đồng bào.

Đảng là một trong ba trụ cột của chế độ chính trị hiện nay: 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh; 2. Xã hội xã hội chủ nghĩa; 3. Đảng. Ba trụ cột đó tạo thành thể kiềng ba chân, thể chân vạc; hiểu theo nghĩa vật lý học thì đó là thể vững chắc nhất cho một thể đứng để luôn tạo ra bộ ba của sự bền vững và phát triển: Thời - Thể - Lực. Chẳng thế mà dân Việt Nam có ca dao: “*Dù ai nói ngả nói nghiêng/Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân*”. Nếu một trụ cột mà bị yếu và bị đổ thì chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của Việt Nam sẽ yếu và đổ. Nếu cả hai hoặc cả ba bị yếu và đổ thì chế độ chính trị này càng nhanh chóng bị sụp đổ hơn. Nhưng, xét cho đến cùng, trụ cột của Đảng có tính quyết định hơn cả. Nếu Đảng bị yếu kém và đổ vỡ thì chẳng còn gì mà nói về tất cả những cái gì thuộc về chế độ xã hội chủ nghĩa này nữa; khi đó mọi thành quả cách mạng đã giành được sẽ bị “đổ xuống sông xuống biển”. Đó là lý do tại sao Đảng ta coi xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là nhiệm vụ then chốt cùng với phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên. Một trong những bài học mà thời kỳ nào cũng có thể được rút ra là: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chất lượng của Đảng, do đó, trở thành yếu tố quyết định thành - bại của cách mạng Việt Nam, nó là điều kiện tiên quyết cho sự tồn vong của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa hiện nay và mai sau.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ chiến lược, cũng là một trong nhiệm vụ trọng tâm mà Đại hội XIII của Đảng đã nêu. Với tuổi đời 93 năm, hơn lúc nào hết, Đảng Cộng sản Việt Nam cần:

(i) Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, trong đó đặc biệt là xây dựng đường lối đúng. Điều mà trong nguyên lý xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản mà V.I.Lênin nêu lên là phải đề phòng nguy cơ sai lầm về đường lối và bệnh quan liêu, cả trong lý luận lẫn hoạt động thực tiễn. Nếu “sai một ly thì sẽ đi một dặm” - đó là hệ lụy tất yếu. Vì thế, Đảng đã chỉ ra bốn nguy cơ cần

đề phòng, trong đó có nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

(ii) Đảng cần được xây dựng một cách vững vàng về tư tưởng, thực sự đặt mọi hoạt động của Đảng trên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cần kiên trì, trung thành với cơ sở lý luận này, như Hồ Chí Minh đã nói là “phải giữ chủ nghĩa cho vững”, đồng thời phải luôn luôn sáng tạo và phát triển; vừa phải phòng chống cả giáo điều và vừa phải phòng chống cả xa rời những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Sáng tạo, sáng tạo hơn nữa trên cái nền của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là khi đất nước đi vào chiều sâu của công cuộc đổi mới trong hoàn cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn cảnh của sự phát triển nhanh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(iii) Phải xây dựng Đảng về tổ chức để Đảng luôn luôn là bộ máy có sức mạnh, chất lượng, hiệu quả với đội ngũ cán bộ vừa đông, vừa có chất lượng tốt. Sức mạnh của Đảng là sức mạnh từ tổ chức, đúng như V.I.Lênin nói về tầm quan trọng của nó: “Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng và chúng tôi sẽ làm đảo ngược nước Nga”⁽⁸⁾.

(iv) Xây dựng Đảng về đạo đức là một mặt quan trọng trong tiến trình đổi mới, theo tinh thần Hồ Chí Minh Đảng “là đạo đức, là văn minh”; đội ngũ cán bộ đảng viên là những người “giàu sang không thể quyến rũ/Nghèo đói không thể chuyển lay/Uỷ vũ không thể khuất phục”; phải xứng đáng là người lãnh đạo, là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng là quá trình Đảng thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn bản thân mình, để xứng đáng với “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại”⁽⁹⁾ như V.I.Lênin đã nói.

93 năm (1930 - 2023) là “một pho lịch sử bằng vàng”. Đất nước Việt Nam, do Đảng lãnh đạo, đang vượt qua muôn vàn khó khăn, thử

thách, thực hiện “mong muốn cuối cùng” mà Hồ Chí Minh ghi trong *Di chúc*: “toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁽¹⁰⁾. Toàn Đảng, toàn dân ta cũng đang ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tiến những bước vững chắc đến mốc kỷ niệm 100 năm thành lập (năm 2030) với mục tiêu trở thành một “nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”⁽¹¹⁾.

Lịch sử bắt đầu từ ngày hôm qua. Đúng thế, xuất phát điểm của “ngày hôm qua” chính là từ ngày 3.2.1930 đầy quang vinh./.

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.12, tr.406. Sau khi Quốc tế Cộng sản tự giải tán năm 1943, một tổ chức thông tin có tính chất quốc tế tồn tại là Tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội* của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trụ sở đặt tại Thủ đô Praha nước Tiệp Khắc (nay là Séc). Đảng Cộng sản Việt Nam cử một bộ phận biên tập sang đây hoạt động từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Tạp chí giải thể cùng với sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.1, tr.441.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.2, tr.19.

(4) V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, T.41, tr. 21.

(5), (6) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.2, tr.233, 112 - 113.

(7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.14, tr.25.

(8) V.I.Lênin (1975), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, T.6, tr.162.

(9) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, T.34, tr.122, tiếng Việt.

(10) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.15, tr.614.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.I, tr.112.